

Số: *2973* /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày *30* tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp đường tỉnh ĐT 763 đoạn Km0+000 đến Km29+500 cuối tuyến đoạn qua huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 - 2024;*

*Trên cơ sở Văn bản thẩm định số 3755/STC-HĐTĐGD ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh về việc thẩm định phương án giá*



đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án nâng cấp đường tỉnh ĐT 763 đoạn Km0+000 đến Km29+500 cuối tuyến đoạn qua huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 822/TTr-STNMT ngày 18 tháng 8 năm 2021.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án nâng cấp đường tỉnh ĐT 763 đoạn Km0+000 đến Km29+500 cuối tuyến đoạn qua huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung sau:

1. Mục đích định giá đất và các thông tin về khu đất định giá

- Diện tích đất định giá: 315.000m<sup>2</sup>.

- Mục đích sử dụng: Đất ở đô thị, đất nông nghiệp, đất tín ngưỡng, tôn giáo.

- Ranh giới khu đất: Khu đất định giá được xác định theo Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 192: 2020/TLBĐ - Tờ số 01 đến tờ số 14, tỷ lệ 1:1000 do Công ty TNHH Đo đạc và Xây dựng Nam Việt Phát thực hiện ngày 23/09/2020 và Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai kiểm tra nội nghiệp ngày 24/09/2020.

2. Phê duyệt kết quả định giá đất

Phương án giá đất để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp đường tỉnh ĐT 763 đoạn Km0+000 đến Km29+500 cuối tuyến đoạn qua huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

| Stt                          | Loại đất         | Đường (Xã)           |                                                            | Vị trí | Giá đất định giá (đ/m <sup>2</sup> ) |
|------------------------------|------------------|----------------------|------------------------------------------------------------|--------|--------------------------------------|
| A. Đất ở tại nông thôn (ONT) |                  |                      |                                                            |        |                                      |
| 1                            | Đường Quốc lộ 1A | Đoạn qua xã Suối Cát | Khu vực ngã ba Bảo Chánh (phạm vi 200m)                    | 1      | 5.880.000                            |
| 2                            | Đường ĐT763      | Đoạn qua xã Suối Cát | Đoạn từ Quốc lộ 1A đến giáp cây xăng Gia Nguyễn Minh       | 1      | 4.830.000                            |
|                              |                  |                      | Đoạn từ cây xăng Gia Nguyễn Minh đến giáp ranh xã Xuân Thọ | 1      | 4.200.000                            |
|                              |                  | Đoạn qua xã Xuân Thọ | Đoạn từ giáp xã Suối Cát đến hết cây xăng Tín Nghĩa        | 1      | 4.000.000                            |

|  |  |                      |                                                                    |   |           |
|--|--|----------------------|--------------------------------------------------------------------|---|-----------|
|  |  |                      | Khu vực trung tâm xã (từ giáp cây xăng Tín Nghĩa đi Xuân Bắc 400m) | 1 | 4.501.000 |
|  |  |                      | Đoạn từ khu vực trung tâm xã đến Cầu Cao                           | 1 | 3.157.000 |
|  |  |                      | Đoạn còn lại xã Xuân Thọ                                           | 1 | 3.002.000 |
|  |  | Đoạn qua xã Xuân Bắc | Đoạn từ giáp xã Xuân Thọ đến giáp đoạn trung tâm xã (phạm vi 300m) | 1 | 3.157.000 |
|  |  |                      | Đoạn trung tâm xã về 2 hướng (phạm vi 300m)                        | 1 | 3.475.000 |
|  |  |                      | Đoạn còn lại xã Xuân Bắc                                           | 1 | 3.157.000 |
|  |  |                      | Đoạn giáp ranh huyện Định Quán                                     | 1 | 3.475.000 |

B. Đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm; đất nuôi trồng thủy sản)

|   |                            |                      |                                                                    |   |         |
|---|----------------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------|---|---------|
| 1 | Đường nhóm I - đường QL1A  | Đoạn qua xã Suối Cát | Khu vực ngã ba Bảo Chánh (phạm vi 200m)                            | 1 | 652.000 |
| 2 | Đường nhóm I - đường ĐT763 | Đoạn qua xã Suối Cát | Đoạn từ Quốc lộ 1A đến giáp cây xăng Gia Nguyễn Minh               | 1 | 623.000 |
|   |                            |                      | Đoạn từ cây xăng Gia Nguyễn Minh đến giáp ranh xã Xuân Thọ         | 1 | 570.000 |
|   |                            | Đoạn qua xã Xuân Thọ | Đoạn từ giáp xã Suối Cát đến hết cây xăng Tín Nghĩa                | 1 | 550.000 |
|   |                            |                      | Khu vực trung tâm xã (từ giáp cây xăng Tín Nghĩa đi Xuân Bắc 400m) | 1 | 550.000 |
|   |                            |                      | Đoạn từ khu vực trung tâm xã đến Cầu Cao                           | 1 | 430.000 |
|   |                            |                      | Đoạn còn lại xã Xuân Thọ                                           | 1 | 430.000 |



|                             |  |                      |                                                                    |   |           |
|-----------------------------|--|----------------------|--------------------------------------------------------------------|---|-----------|
|                             |  | Đoạn qua xã Xuân Bắc | Đoạn từ giáp xã Xuân Thọ đến giáp đoạn trung tâm xã (phạm vi 300m) | 1 | 430.000   |
|                             |  |                      | Đoạn trung tâm xã về 2 hướng (phạm vi 300m)                        | 1 | 437.000   |
|                             |  |                      | Đoạn còn lại xã Xuân Bắc                                           | 1 | 430.000   |
|                             |  |                      | Đoạn giáp ranh huyện Định Quán                                     | 1 | 437.000   |
| C. Đất tín ngưỡng, tôn giáo |  |                      |                                                                    |   |           |
| Đường nhóm I - đường ĐT763  |  | Đoạn qua xã Xuân Bắc | Đoạn giáp ranh huyện Định Quán                                     | 1 | 2.085.000 |

Về việc xác định vị trí thửa đất để tính tiền bồi thường được thực hiện theo Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020-2024.

**Điều 2.** Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Ủy ban nhân dân tỉnh huyện Xuân Lộc chỉ đạo Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Xuân Lộc tính toán lập phương án bồi thường về đất theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Xuân Lộc, các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, PVB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức